TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28 /2022/HNGĐ - ST
Ngày: 30 - 8 - 2022
V/v Tranh chấp Hôn nhân và gia đình.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH THÁI NGUYÊN
H phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Mai Thị Hồng Thái
- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Vũ Văn Hoàn
2. Bà Nguyễn Thị Nguyệt
- *Thư ký phiên tòa*: Bà Lô Thị Lệ Hoài – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa:* Ông Vũ Hoàng Thái - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 38/2022/TLST - HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2022 về việc tranh chấp Hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Chị Triệu Thị T**, sinh năm 1994;
HKTT và trú tại: Xóm MS, xã HT, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.
(Có mặt tại phiên tòa)

2. Bị đơn: Anh Hoàng Văn H, sinh năm 1991;
HKTTvà trú tại: Xóm BN, xã TL, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. *(Vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ly hôn, bản tự khai, lời khai của Nguyên đơn- Chị Triệu Thị T tại phiên tòa trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Hoàng Văn H kết hôn năm 2018 trên cơ sở hai bên tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã TL, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên và được tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương.

Sau khi kết hôn chị về làm dâu tại gia đình anh H thuộc xóm BN, xã TL, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Hoàn cảnh gia đình anh H từ nhỏ đã thiếu tình cảm của bố và mẹ, bố đẻ anh H đã mất từ năm 2006, mẹ đẻ anh H thì kết hôn với nguòi khác, bản thân anh H ở cùng với ông nội anh H là ông Hoàng Văn Ấu, ông nội nuôi anh H từ nhỏ đến khi anh H xây dựng gia đình cùng chị thì vợ chồng chị vẫn ở cùng ông nội anh H được 01 năm thì xảy ra mâu thuẫn.

Lý do chị ly hôn với anh H do anh H mắc nghiện ma túy, không chịu tu chí làm ăn mà chỉ chơi bời nên vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau, khi chị sinh con, anh H cũng không quan tâm gì đến vợ con, nhiều lần chị can ngăn anh H từ bỏ ma túy để tập trung làm ăn xây dựng cuộc sống gia đình nhưng anh H không thay đổi. Mâu thuẫn giữa vợ chồng chị đã được hai bên gia đình khuyên giải nhiều lần nhưng không H. Vợ chồng chị sống ly thân từ năm 2019 sau khi chị sinh con. Từ khi ly thân đến nay anh H cũng không quan tâm gì đến vợ con. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị xin được ly hôn anh Hoàng Văn H để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Hoàng Triệu Ánh D, sinh ngày 11/12/2019. Khi ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con đến khi con trưởng H. Chị không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con cùng chị.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị xác định vợ chồng không có nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Đ đã thực hiện việc tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng cho anh Hoàng Văn H theo đúng quy định của Điều 177 Bộ luật tố tụng dân sự nhưng anh H không có mặt tại Tòa án để giải quyết vụ án theo quy định, do vậy Tòa án không xác định được lời khai của anh H về các mối quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung và cũng không tiến hành hòa giải được.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập tài liệu chứng cứ tại địa phương nơi cư trú của đương sự về tình trạng hôn nhân, việc giao nhận tài liệu văn bản tố tụng của Tòa án cho anh H.

Ông Hoàng Văn A, là ông nội của anh H cung cấp: Sau khi bố anh H là ông Hoàng Văn P chết năm 2006, mẹ đẻ anh H là bà Phạm Thị E đi lấy chồng anh H ở cùng ông bà nội từ nhỏ, lớn lên anh H đi làm, sau khi tìm hiểu với chị T ông bà đã làm đám cưới cho anh H theo phong tục địa phương. Sau khi cưới xong, anh H và chị T ở cùng ông bà và chú thím, thời gian đầu cuộc sống hai vợ chồng sống hạnh phúc, sau đó xảy ra mâu thuẫn khoảng từ năm 2019, do mâu thuẫn vợ chồng nên chị T về nhà bố mẹ đẻ ở từ cuối năm 2019 đến nay. Vợ chồng chị T và anh H có 01 con chung là Hoàng Triệu Ánh D, sinh ngày 11/12/2019 hiện đang ở với chị T tại xóm MS, xã HT, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Việc chị T làm đơn xin ly hôn anh H ông bà không có ý kiến gì, việc này do chị T, anh H tự quyết định, chị T làm đơn xin ly hôn anh H thì anh H cũng biết và có gọi điện thoại cho ông bà là anh nhất trí theo đơn khởi kiện của chị T. Các văn bản, giấy tờ tài liệu

của Tòa án ông đã giao cho anh H khi anh H về nhà còn anh H đến Tòa án để giải quyết vụ án hay không ông không được biết. Nếu anh H không hợp tác với Tòa án để giải quyết vu án thì ông đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

Biên bản xác minh tại Công an xã TL, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên, ông Nguyễn Văn Hùng- trưởng công an xã TL cung cấp thông tin: Anh Hoàng Văn H, sinh năm 1991, địa chỉ xóm BN, xã TL, huyện Đ vẫn có hộ khẩu tại xã TL chưa cắt khẩu và làm thủ tục đăng ký tạm trú tạm vắng ở đâu, hiện nay anh H đi làm ăn ở đâu thì công xã không được biết địa chỉ cụ thể, thi thoảng anh H có về nhà.

Tòa án đã tống đạt trực tiếp các văn bản tố tụng của Tòa án như Thông báo thụ lý vụ án, các thông báo về phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho anh H nhưng anh H không có nhà nên đã giao trực tiếp cho ông Hoàng Văn Ấu(là ông nội của anh H) ông Ấu ký nhận thay và cam kết giao tận tay anh H, tuy nhiên các phiên họp theo Thông báo của Tòa án giao anh H vẫn vắng mặt, nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Ông Ấu xác nhận đã giao các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh H đồng thời có điện thoại cho anh H biết, việc anh H không đến Tòa án giải quyết với chị T ông không nắm được. Do anh H không hợp tác với chị T trong việc giải quyết vụ án nên Toà án đưa vụ án ra xét xử công khai.

Tại phiên tòa Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên như sau:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình từ khi thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng để giải quyết vụ án. Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định tại Điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đúng các quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét tại phiên tòa, nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử: áp dụng các Điều 21, 28, 35, 39, 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Các Điều 19, 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội, Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử:

+ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Triệu Thị T, cho chị Triệu Thị T được ly hôn với anh Hoàng Văn H.

+ Về con chung: Giao con chung Hoàng Triệu Ánh D, sinh ngày 11/12/2019 cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con trưởng H(đủ 18 tuổi) hoặc đến khi các bên đương sự có thỏa thuận thay đổi khác. Về cấp dưỡng nuôi con: Không xem xét, giải quyết vì chị T không có yêu cầu.

+ Về tài sản chung, công nợ chung: Không xem xét giải quyết vì chị T không yêu cầu.

+ Án phí: Chị Triệu Thị T phải nộp 300.000 đồng tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm vào Ngân sách nhà nước.

+ Các bên đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

*** Về tố tụng:** Đây là vụ án tranh chấp Hôn nhân và gia đình giữa Nguyên đơn chị Triệu Thị T với bị đơn anh Hoàng Văn H, trú tại xóm BN, xã TL, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập tài liệu chứng cứ và tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng đối với anh Hoàng Văn H theo quy định Điều 177 Bộ luật tố tụng dân sự về Thủ tục cấp, tống đạt, thông báo trực tiếp cho cá nhân, các văn bản tố tụng của Tòa án đã được tống đạt hợp lệ cho anh Hoàng Văn H thông qua người thân ở cùng nhà và có cùng hộ khẩu nơi cư trú, tuy nhiên, anh H không có mặt tại Tòa án để giải quyết vụ án; do vậy, vụ án không tiến hành hòa giải được, phải đưa ra xét xử công khai. Tại phiên tòa lần thứ hai anh Hoàng Văn H vẫn vắng mặt không có lý do là không có ý thức chấp hành pháp luật. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh Hoàng Văn H theo quy định của pháp luật.

*** Về nội dung vụ án**:

[1]. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Triệu Thị T và anh Hoàng Văn H kết hôn năm 2018 trên cơ sở hai bên tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã TL, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên và được tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương. Đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Theo chị T trình bày: Sau khi kết hôn chị T về làm dâu tại gia đình anh H thuộc xóm BN, xã TL, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Vợ chồng chị ở cùng ông nội của anh H là ông Hoàng Văn Ấu do bố đẻ anh H mất từ năm 2006, mẹ đẻ anh H kết hôn với nguòi khác, ông Hoàng Văn Ấu là ông nội của anh H nuôi anh H từ nhỏ đến khi anh H xây dựng gia đình cùng chị. Chị chung sống với anh H được 01 năm thì xảy ra mâu thuẫn. Lý do anh H mắc nghiện ma túy, không tu chí làm ăn nên vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình khuyên giải nhiều lần nhưng không H. Vợ chồng chị sống ly thân từ năm 2019 sau khi chị sinh con đến nay. Từ khi ly thân đến nay anh H cũng không quan tâm, gì đến vợ con. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị xin được ly hôn anh Hoàng Văn H để ổn định cuộc sống.

HĐXX xét thấy về quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh H đã xảy ra mâu thuẫn vợ chồng và sống ly thân từ năm 2019 sau khi chị T sinh con đến nay, hiện nay hai bên không sống chung một nhà mà sống mỗi người một nơi, hai bên

không còn quan tâm đến nhau là vi phạm Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình về tình nghĩa vợ chồng. Nội dung điều luật quy định:

"Điều 19. Tình nghĩa vợ chồng.

1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.

2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác"

Như vậy xác định tình cảm vợ chồng giữa chị Triệu Thị T và anh Hoàng Văn H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân sẽ không mang lại hạnh phúc cho cả hai bên. Vì vậy xét yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị T là có cơ sở chấp nhận, cho chị Triệu Thị T được ly hôn anh Hoàng Văn H là phù hợp với thực tế và Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] *Về con chung*: Vợ chồng có 01 con chung là Hoàng Triệu Ánh D, sinh ngày 11/12/2019 Nguyện vọng của chị T được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Quá trình giải quyết vụ án anh H không đến Tòa án giải quyết với chị T nên Tòa án không ghi được ý kiến, quan điểm của anh về con chung. HĐXX xét thấy, hiện nay con chung chưa đủ 36 tháng tuổi vì vậy HĐXX giao cho chị T được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Hoàng Triệu Ánh D, sinh ngày 11/12/2019 đến khi con trưởng H (đủ 18 tuổi) hoặc đến khi các bên có sự thay đổi khác là nguyện vọng chính đáng của chị T và phù hợp với quy định của pháp luật.

*Về quyền thăm nuôi con chung:*Anh Hoàng Văn H có quyền đi lại thăm nom con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị T không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án không xem xét giải quyết

[3] *Về tài sản chung, nợ chung:* Chị T không yêu cầu giải quyết tài sản chung, nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết tài sản chung, nợ chung trong vụ án ly hôn này. Khi các đương sự có yêu cầu thì có quyền khởi kiện bằng vụ kiện khác kèm theo các tài liệu chứng cứ để chứng minh.

[4]. *Về án phí:* Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Chị T phải nộp 300.000 đồng tiền án phí Hôn nhân và gia đình vào Ngân sách nhà nước.

[5]. *Quyền kháng cáo:* Chị T và anh H được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên, Hội đồng xét xử sơ thẩm Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, 273, 482, 483 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 19, 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

- Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015;

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Luật thi hành án dân sự

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Triệu Thị T, cho chị Triệu Thị T được ly hôn anh Hoàng Văn H.

2. Về con chung: Giao con chung Hoàng Triệu Ánh D, sinh ngày 11/12/2019 cho chị Triệu Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con trưởng H(đủ 18 tuổi) hoặc đến khi các bên có sự thay đổi khác.

** Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung:*Chị T không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án không xem xét giải quyết.

** Quyền đi lại thăm nom con chung:* Anh Hoàng Văn H có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng cho con chung;

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị T không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

4. Án phí: Chị Triệu Thị T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm nộp vào Ngân sách Nhà nước, được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005294 ngày 01/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Triệu Thị T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên bản án. Anh Hoàng Văn H vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- UBND nơi ĐKKH năn 2018, xã TL, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên;
- Lưu: HS, bộ phận HNGĐ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

ĐÃ KÝ

Mai Thị Hồng Thái